

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-PT

Ngày: 02/12/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Chiu;
2. Bà Lê Thị Thái Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022, về *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H trình bày: Vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Văn T có mượn bà Phạm Thị Kim H nhiều lần tổng cộng số tiền 590.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 11/4/2020 (âm lịch) cho vợ chồng ông T, bà H mượn số tiền 150.000.000 đồng.

- Ngày 16/4/2020 (âm lịch) cho vợ chồng ông T, bà H mượn số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 24/01/2022 (âm lịch) cho vợ chồng ông T, bà H mượn số tiền 270.000.000 đồng.

- Ngày 28/01/2022 (âm lịch) cho vợ chồng ông T, bà H mượn số tiền 120.000.000 đồng.

Khi mượn tiền vợ chồng ông T, bà H có viết và ký vào giấy mượn tiền (giấy mượn tiền ngày 11/4/2020 âm lịch), những lần mượn tiền khác thì đều do bà H viết và ký tên xác nhận. Sau khi mượn tiền, bà H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả lại số tiền đã mượn nhưng vợ chồng ông T, bà H không thực hiện việc trả nợ.

Nay khởi kiện yêu cầu bà H và ông T phải trả số tiền 590.000.000 đồng đã mượn và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 24/01/2022 (âm lịch) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Trường hợp vợ chồng bà H và ông T trả hết số nợ gốc trong vòng một tháng thì không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Thừa nhận có mượn và còn nợ bà Phạm Thị Kim H số tiền 590.000.000 đồng và đồng ý sẽ trả đủ cho bà H số tiền còn nợ trên. Hiện nay làm ăn khó khăn xin trả dần cho đến khi thanh toán hết nợ. Mục đích mượn tiền để chi trả cho các khoản vay khác trước đó để chi tiêu sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình và làm ăn.

Việc mượn tiền chỉ một mình bà H là người trực tiếp mượn của bà H nên bà H sẽ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền trên không liên quan gì đến ông T. Về khoản tiền lãi bà H yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không thanh toán tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 11/04/2020 (âm lịch) ông T và vợ là bà Phạm Thị H có mượn bà H số tiền 150.000.000 đồng, về khoản nợ này ông T có ký nhận nên thừa nhận có nợ số tiền này, và sẽ trả cho bà H là 75.000.000 đồng. Hẹn 03 tháng sau sẽ trả đủ cho bà H. Về các khoản nợ khác do bà H mượn bà H số tiền bao nhiêu, để làm gì ông T không biết nên không đồng ý trả nợ cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DSST ngày 02/8/2022 của TAND thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H số tiền 615.884.086 đồng (nợ gốc: 590.000.000 đồng và tiền lãi 25.884.086 đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/8/2022, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Nguyên đơn Bà Phạm Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

-Bị đơn Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Phạm Thị H vẫn tiếp tục thừa nhận có vay của bà Phạm Thị Kim H số tiền 590.000.000đ như cấp sơ thẩm xét xử. Tuy nhiên, việc vay nợ là chỉ có một mình bà, không có chồng là ông Nguyễn Văn T vay; Do đó, kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để một mình bà trả nợ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong các giấy mượn tiền chỉ có bà H ký tên xác nhận nhưng mục đích bà H mượn tiền để chi tiêu sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình và làm ăn chung của bà H, ông T như bà H đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Mặt khác, đây là khoản giao dịch trong thời kỳ hôn nhân, do đó bà H và ông T cùng phải có nghĩa vụ chung trả nợ như cấp sơ thẩm quyết định là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H cung cấp 01 USB và 01 giấy mượn tiền gốc, bà H cho rằng đây là chứng cứ việc bà vay tiền của nguyên đơn với lãi suất cao. Tuy nhiên, qua thẩm tra các tài liệu, chứng cứ này không thể hiện việc bà H đã trả bao nhiêu tiền lãi, với lãi suất như thế nào, ông T không có tài liệu khác để chứng minh cho nội dung kháng cáo nên chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp pháp luật.

[2] Về án phí: Bị đơn bà H, ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H số tiền 615.884.086đồng (nợ gốc: 590.000.000đồng và tiền lãi 25.884.086đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/8/2022 dương lịch), nếu bị đơn chưa thanh toán xong khoản tiền nói trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 14.317.681 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006412 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên phải tiếp tục nộp 14.317.681 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H số tiền 13.800.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001923 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND CC Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TX Đông Hòa;
- TAND TX Đông Hòa;
- Dương sự;
- Phòng TKNV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Lâm